

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khối lượng đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công xây dựng công trình “Nâng cấp mở rộng trục tiêu, đề bao Bọt Dọt - Khe Ngang đoạn từ K0+070-K3+650 và các công trình trên kênh gồm: 03 cống điều tiết tại K1+156,8; K1+926,7; K2+722,3 và 02 cầu dân dụng tại K0+817,6; K3+191,6 thuộc dự án Tiêu úng vùng III, huyện Nông Cống” tại xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo Bản xác nhận số 219/XN-UBND ngày 24/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 371/TTr-STNMT ngày 24/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khối lượng đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công xây dựng công trình “Nâng cấp mở rộng trục tiêu, đê bao Bốt Dột - Khe Ngang đoạn từ K0+070-K3+650 và các công trình trên kênh gồm: 03 cống điều tiết tại K1+156,8; K1+926,7; K2+722,3 và 02 cầu dân dụng tại K0+817,6; K3+191,6 thuộc dự án Tiêu úng vùng III, huyện Nông Cống” tại xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP, cụ thể như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP;

- Địa chỉ: Số 303 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Mã số thuế: 2800110252;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

$G = G_m \times K_{qd} = 49.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,290 = 63.210 \text{ đồng/m}^3$ đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình (K_{qd} theo phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi);

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác: $Q = 25.000 \text{ m}^3 / 0,9 = 27.778 \text{ m}^3$;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,95$;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác: $R = 3\%$ (đối với các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại, trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền);

g) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp:

$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R = 27.778 \text{ m}^3 \times 63.210 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,95 \times 3\% = 45.037.485 \text{ đồng}$ (Bốn mươi lăm triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi lăm đồng);

h) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 01 lần;

i) Thời điểm nộp tiền: Chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo của cơ quan thuế.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò

Khối lượng đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công xây dựng công trình “Nâng cấp mở rộng trục tiêu, đê bao Bốt Dột - Khe Ngang đoạn từ K0+070-K3+650 và các công trình trên kênh gồm: 03 cống điều tiết tại K1+156,8; K1+926,7; K2+722,3 và 02 cầu dân dụng tại K0+817,6; K3+191,6 thuộc dự án Tiêu úng vùng III, huyện Nông Cống” tại xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa do Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và

Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP tự bỏ kinh phí lập phương án. Do đó, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

- Sau khi kết thúc thời gian khai thác, nộp hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại mỏ trên về Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. UBND huyện Nông Cống; UBND xã Công Liêm, huyện Nông Cống có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Chủ tịch UBND xã Công Liêm, huyện Nông Cống; Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN, KTTC.
(KTH.21.22956).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi